

Đánh giá sự hài lòng và hiệu quả giảm đau của viên đặt tại chỗ trên các sản phụ sau mổ lấy thai tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Evaluation of satisfaction and pain reduction effectiveness of suppository on pregnant women after cesarean section at the 108 Military Central Hospital

Nguyễn Thị Thanh Thúy^{1*}, Nguyễn Thị Liên¹,
và Nguyễn Thị Thảo²

¹Bệnh viện Trung ương Quân đội 108,
²Trường Đại học Phenikaa

Tóm tắt

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả của viên đặt giảm đau và sự hài lòng trên các sản phụ sau mổ lấy thai. **Đối tượng và phương pháp:** Các sản phụ sau mổ lấy thai được giảm đau bằng viên đặt tại chỗ. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu can thiệp, mô tả cắt ngang, không nhóm chứng. **Kết quả:** Nghiên cứu trên 120 sản phụ sau mổ lấy thai được giảm đau bằng viên đặt tại chỗ tại Khoa Phụ sản, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Tỷ lệ hiệu quả giảm đau của viên đặt đạt tới 95%, thời gian bắt đầu có hiệu lực giảm đau trung bình là $45,56 \pm 8,93$ phút, ngắn nhất là 15 phút, dài nhất là 45 phút. Sự hài lòng của người bệnh về phương pháp giảm đau bằng viên đặt đạt tỷ lệ cao. Trên 90% người bệnh hài lòng và rất hài lòng với cách chăm sóc giảm đau, thái độ của nhân viên y tế và dịch vụ cung cấp giảm đau, tin tưởng vào phương pháp giảm đau. **Kết luận:** Việc sử dụng viên đặt giảm đau tại chỗ cho sản phụ sau mổ lấy thai nên được phổ biến rộng rãi để giảm đi sự đau đớn cho sản phụ sau mổ.

Từ khóa: Sản phụ sau mổ lấy thai, viên đặt tại chỗ, giảm đau, sự hài lòng.

Summary

Objective: To evaluate the effectiveness of pain relief tablets and satisfaction in pregnant women after cesarean section. **Subject and method:** Pregnant women after cesarean section receive pain relief with suppository. **Methods:** An interventional, cross-sectional, prospective, non-controlled study. **Result:** Research on 120 pregnant women who received pain relief after cesarean section with local tablets at the Obstetrics Department, 108 Military Central Hospital. The pain relief rate of suppositories reached 95%, the average pain relief onset time was 45.56 ± 8.93 minutes, the shortest was 15 minutes, the longest was 45 minutes. Patient satisfaction with the suppository pain relief method was high. Over 90% of patients were satisfied and very satisfied with pain relief care, the attitude of health care workers and pain relief services and trust in pain relief methods. **Conclusion:** The use of local pain-relieving tablets for pregnant women after cesarean section should be widely disseminated to reduce pain for pregnant women after surgery.

Keywords: Pregnant women after cesarean section, suppository, pain relief, satisfaction.

Ngày nhận bài: 21/8/2024, ngày chấp nhận đăng: 20/9/2024

* Tác giả liên hệ: ntthanhthuy778@gmail.com - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tỷ lệ mổ lấy thai tiếp tục gia tăng trên toàn cầu, hiện chiếm hơn 1/5 (21%) trong tổng số ca sinh nở¹. Theo báo cáo Tổng kết công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em năm 2022 của Bộ Y tế, tỷ lệ mổ lấy thai ở Việt Nam tăng liên tục trong 15 năm qua. Năm 2005, tỷ lệ sinh mổ ở Việt Nam là 12%. Tới năm 2022, tỷ lệ này là 37%². Nghiên cứu của Lê Hoài Chương tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương, tỷ lệ mổ lấy thai chiếm tới 54,4%, tỷ lệ này cao hơn so với thế giới³. Sự đau đớn sau mổ lấy thai luôn là nỗi ám ảnh của các sản phụ và cũng là vấn đề được các bác sĩ sản khoa quan tâm vì nó ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý cũng như sự phục hồi của người bệnh (NB). Những sản phụ đau sau mổ ảnh hưởng nhiều nhất đến đi lại/vận động (73,3%), sau đó là giấc ngủ và việc cho con bú, trên 20% sản phụ phải thức trắng đêm do đau; có tới 87,2% sản phụ sinh mổ (không giảm đau ngoài màng cứng) đề nghị dùng thêm thuốc giảm đau đường khác⁴. Việc hạn chế vận động làm tăng nguy cơ tắc mạch huyết khối, ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc trẻ sơ sinh và cho con bú của các sản phụ. Do đó, việc giảm đau là một can thiệp y khoa cần thiết, giúp sản phụ lấy lại cân bằng tâm sinh lý, giảm thời gian nằm viện. Hiện nay, có rất nhiều tác giả nghiên cứu các phương pháp giảm đau khác nhau cho các sản phụ sau mổ lấy thai như: Giảm đau bằng các thuốc opiat đường uống, tiêm bắp, gây tê tủy sống, các thuốc kháng viêm không steroid truyền tĩnh mạch,...⁵. Các phương pháp trên đều có những hạn chế nhất định và đôi khi để lại nhiều ảnh hưởng xấu đối với cả mẹ và con⁵. Voltaren là một NSAID có hiệu lực giảm đau mạnh, độ an toàn cao, thời gian tác dụng kéo dài, được đề nghị sử dụng đặt trực tràng trong giảm đau sau mổ. Đây là một phương pháp giảm đau đơn giản, dễ sử dụng, có thể áp dụng rộng rãi cho nhiều tuyến địa phương, có thể đem lại lợi ích cho người bệnh. Vì những lý do đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu: *Đánh giá sự hài lòng và hiệu quả giảm đau của viên đặt tại chỗ trên các sản phụ sau mổ lấy thai tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng

Các sản phụ sau mổ lấy thai được giảm đau bằng viên đặt tại chỗ tại Khoa Phụ sản, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Tiêu chuẩn lựa chọn:

Sản phụ được mổ lấy thai tại Bệnh viện Quân đội Trung ương 108 không có bệnh lý nội, ngoại khoa đi kèm.

Thể trạng toàn thân ASA I – II.

Tinh thần bình thường, đồng ý hợp tác nghiên cứu.

Không có chống chỉ định với Voltaren.

Tiêu chuẩn loại trừ

Sản phụ có tiền sử và hiện tại có mắc bệnh về thần kinh và tâm thần, bệnh nhân có khó khăn trong giao tiếp.

Tai biến, biến chứng về phẫu thuật và gây mê.

Có bệnh lý nặng kèm theo: Suy gan, suy thận,...

Có bệnh đau mạn tính thường xuyên phải sử dụng thuốc giảm đau.

2.2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu tiến cứu can thiệp, mô tả cắt ngang, không nhóm chứng.

Cỡ mẫu:

Cỡ mẫu tính theo công thức:

$$n = Z^2 \frac{P(1-p)}{C^2}$$

n: Cỡ mẫu nhỏ nhất hợp lý.

z: 1,96 với trị số mức độ tin cậy mong muốn là 95%;

c: Sai số cho phép 0,05 với độ tin cậy 95%;

p: 0,93 là tỉ lệ giảm đau thành công theo nghiên cứu của Nguyễn Kiều Anh, Bệnh viện Phụ sản Trung ương⁶, cỡ mẫu nghiên cứu tính được là: n = 102, cỡ mẫu thu được trong nghiên cứu là 120

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Tháng 4/2024 đến tháng 6/2024, tại Khoa Phụ sản, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

Công cụ thu thập số liệu

Bộ công cụ đánh giá hiệu quả giảm đau: Mức độ đau được đo bằng thang điểm VAS (Visual Analogue Scale): Chia làm 10 điểm: VAS < 3: Không đau và đau nhẹ; VAS 3-5: Đau trung bình; VAS > 5: Đau nhiều. Dựa vào thang điểm đau VAS đánh giá tác dụng giảm đau các mức theo Oates: Giảm đau $\geq 75\%$: giảm đau tốt; giảm đau từ 50 đến < 75%: Giảm đau khá; giảm đau từ 25 đến < 50%: Giảm đau vừa; giảm đau $\leq 25\%$: Giảm đau kém, thất bại.

Bộ đánh giá sự hài lòng: Chúng tôi sử dụng phiếu khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của NB (Dựa theo Quyết định 3869/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 28/8/2019). Chúng tôi dùng thang điểm Likert để đánh giá mức độ hài lòng chung của người bệnh. Chia thành 5 mức độ: Mức 5: Rất hài lòng; mức 4: Hài lòng; mức 3: Chấp nhận được; mức 2: không hài lòng; mức 1: Rất không hài lòng.

Tiền sử sản khoa của các sản phụ

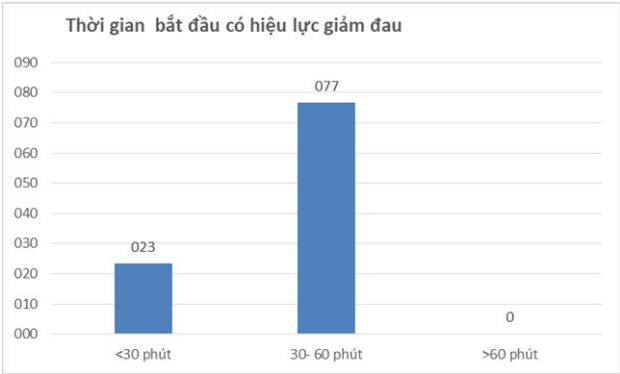
Bảng 1. Đặc điểm sản khoa của các sản phụ

Đặc điểm về sản khoa		n	Tỷ lệ %
Số lần đẻ	Lần 1	50	41,67
	Lần 2	66	55,0
	Lần 3	4	3,33

Nhận xét: Số sản phụ lấy thai lần 2 chiếm số lượng lớn nhất 55,0%, lần 3 chỉ chiếm 3,33%.

3.2. Hiệu quả giảm đau

Thời gian bắt đầu có hiệu lực giảm đau



Biểu đồ 1. Thời gian bắt đầu có hiệu lực giảm đau

Nhận xét: Thời gian bắt đầu có hiệu lực giảm đau trung bình là $32,56 \pm 8,93$ (phút), ngắn nhất là 15 phút, dài nhất là 45 phút. Trong đó, 76,67% số sản phụ bắt đầu có hiệu lực giảm đau trong khoảng 30-60 phút. Dưới 30 phút chiếm 23,33% và trên 60 phút không có sản phụ nào.

Thuốc sử dụng: Các sản phụ được sử dụng viên đặt tại chỗ là Voltaren Suppository 100mg, thành phần của thuốc là diclofenac natri 100mg, dạng viên đạn, do Công ty Cổ phần Dược phẩm của hãng Novartis Việt Nam sản xuất. Thuốc đã được đăng ký vào năm 2020 với số đăng ký là VN 2309077311.

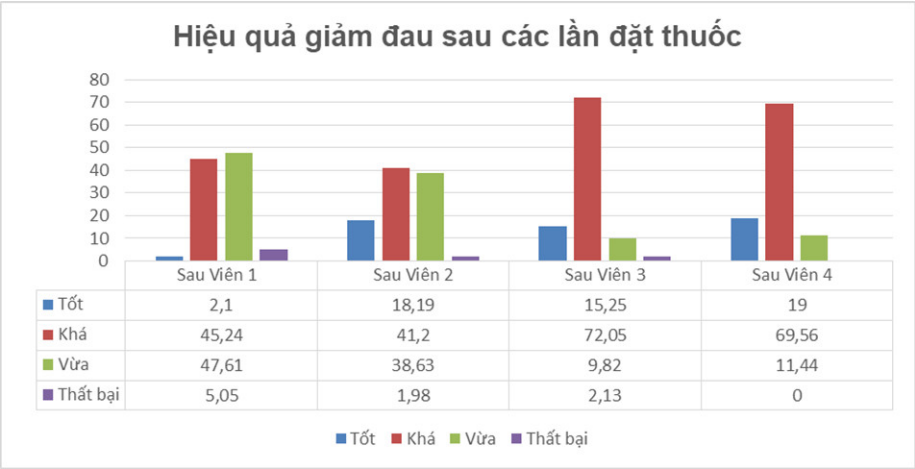
Phương pháp xử lý số liệu: Nhập số liệu bằng phần mềm Epi Data 3.1, sau đó số liệu được chuyển sang SPSS 26.0 để phân tích.

III. KẾT QUẢ

3.1. Một số thông số chung

Tuổi, nghề nghiệp của các sản phụ: Độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $27,03 \pm 5,75$ tuổi. Phân chia theo nhóm tuổi cho thấy nhóm tuổi từ 20 đến 30 tuổi chiếm tỷ lệ 68%. Nghề nghiệp là cán bộ công nhân viên chức chiếm 59%.

Hiệu quả giảm đau sau các lần đặt thuốc



Biểu đồ 2. Hiệu quả giảm đau sau các lần đặt thuốc

Nhận xét: Hiệu quả giảm đau chiếm 95% sau đặt viên thuốc thứ 1. Hiệu quả giảm đau khá chiếm tỷ lệ 45,24% sau viên thứ 1; 41,2% sau viên thứ 2; 72,05% sau viên thứ 3; 69,56% sau viên thứ 4.

Tác dụng không mong muốn

Bảng 2. Tác dụng không mong muốn

Tác dụng không mong muốn	n	Tỷ lệ %
Ngứa, nổi mề đay	4	3,33
Buồn nôn	2	1,67
Đau đầu, chóng mặt	0	0
Tụt huyết áp	0	0
Kích ứng tại chỗ	0	0

Nhận xét: Sản phụ có ngứa, nổi mề đay chiếm tỷ lệ 3,33% và 1,67% có buồn nôn, nôn và đặc biệt không có trường hợp nào đau đầu, chóng mặt, tụt huyết áp và kích ứng tại chỗ.

Sự hài lòng của sản phụ khi sử dụng viên đặt tại chỗ để giảm đau sau mổ lấy thai

Bảng 2. Mức độ hài lòng của người bệnh trong chăm sóc giảm đau của nhân viên y tế

TT	Nội dung	Mức đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Tôi được giải thích kỹ trước khi thực hiện kỹ thuật giảm đau	0	1 (0,83%)	5 (4,17%)	25 (20,83%)	89 (74,17%)
2	Tôi được chăm sóc, đánh giá giảm đau hàng ngày	0	0	0	30 (25%)	90 (75%)
3	Tác dụng phụ của thuốc được theo dõi thường xuyên	0	0	4 (3,33%)	25 (20,84)	91 (75,82%)
4	Tôi được xử lý kịp thời khi có tác dụng phụ	0	0	3 (2,5%)	22 (18,33%)	95 (79,17%)
5	Tôi được xử lý kịp thời khi giảm đau chưa hiệu quả	0	0	3 (2,5%)	27 (22,5%)	90 (75%)

Nhận xét: Mức đánh giá về việc chăm sóc, đánh giá giảm đau hàng ngày, được xử lý kịp thời khi có tác dụng phụ ở mức 4, mức 5 chiếm tỷ lệ trên 90%.

Bảng 3. Mức độ hài lòng của người bệnh với thái độ của nhân viên y tế

TT	Nội dung	Mức đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Nhân viên y tế có thái độ giao tiếp đúng mực	0	0	2 (1,67%)	50 (41,66%)	68 (56,67%)
2	Nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ	0	0	2 (1,67%)	48 (40,0%)	70 (58,33%)
3	Nhân viên y tế thăm khám động viên trong quá trình giảm đau	0	0	1 (0,83%)	43 (35,84%)	76 (63,63%)

Nhận xét: Mức độ hài lòng của người bệnh với thái độ của nhân viên y tế đánh giá ở mức 4 và 5 lần lượt là: Nhân viên y tế giao tiếp đúng mực 41,66% và 56,67%; nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ 40,0% và 58,33%; nhân viên y tế thăm khám động viên trong quá trình giảm đau 35,84% và 63,63%.

Bảng 4. Mức độ hài lòng của người bệnh về cung cấp dịch vụ giảm đau

TT	Nội dung	Mức đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Quy trình, thủ tục đăng ký giảm đau bằng viên đặt thuận tiện, rõ ràng	0	0	0	31 (25,83%)	89 (74,17%)
2	Chi phí cho giảm đau bằng viên đặt hợp lý	0	0	0	25 (20,83%)	95 (79,17%)
3	Mức độ thuận tiện khi sử dụng phương pháp giảm đau	0	0	0	18 (15%)	102 (85%)
4	Mức độ tin tưởng về phương pháp giảm đau	0	0	0	12 (10%)	108 (90%)

Nhận xét: 100% người bệnh đều cảm thấy hài lòng và rất hài lòng với quy trình, thủ tục đăng ký, chi phí, mức độ thuận tiện và tin tưởng vào gói giảm đau.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm sản phụ

Trong nghiên cứu này các sản phụ có độ tuổi trung bình là $27,03 \pm 5,75$ tuổi. Phân chia theo nhóm tuổi cho thấy trong mẫu nghiên cứu sản phụ nằm trong độ tuổi sinh đẻ từ 20 đến 30 tuổi chiếm tỷ lệ 68%. Đây là độ tuổi sinh sản, sản phụ ổn định cả về tình trạng sức khỏe, khả năng sinh sản cũng như

tâm sinh lý. Kết quả của chúng tôi tương tự kết quả nghiên cứu của tác giả như Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2011) là $27,36 \pm 3,61^7$. Số sản phụ có nghề nghiệp là cán bộ công nhân viên chức chiếm tới 59%. Theo một số nghiên cứu về giảm đau thì mức độ chịu đựng đau ở những người làm các công việc ít vận động thường kém hơn so với những đối tượng làm các công việc nặng nhọc phải vận động nhiều. Vì vậy, số sản phụ là cán bộ viên chức có nhu cầu giảm đau sau mổ lấy thai cao hơn so với các sản phụ làm nghề nghiệp khác.

Sản phụ mổ đẻ lần 1, mổ đẻ lần 2 và mổ đẻ lần 3 có tỷ lệ lần lượt là 41,67%, 55,0% và 3,33%. Trong

nghiên cứu các sản phụ sau mổ đều lựa chọn phương pháp giảm đau đặt Voltaren trực tràng.

4.2. Đánh giá hiệu quả giảm đau của viên đặt

Thời gian bắt đầu có hiệu lực giảm đau

Thời gian bắt đầu có hiệu lực giảm đau được tính từ lúc bắt đầu đặt viên Voltaren thứ nhất đến khi sản phụ giảm hoặc không còn cảm giác đau. Trong nghiên cứu thời gian có hiệu lực giảm đau trung bình là $32,56 \pm 8,93$ (phút), ngắn nhất là 15 phút, dài nhất là 45 phút. Trong đó 76,67% sản phụ bắt đầu có hiệu lực giảm đau trong khoảng 30-60 phút. Dưới 30 phút chiếm 23,33% và trên 60 phút không có sản phụ nào. Kết quả này phù hợp với thời gian xuất hiện tác dụng giảm đau của Voltaren trong khoảng 30-60 phút sau khi đặt trực tràng⁸.

Hiệu quả giảm đau

Kết quả ở Biểu đồ 2 cho thấy hiệu quả giảm đau chiếm tỷ lệ cao 95% sau đặt viên thuốc thứ 1. Hiệu quả giảm đau khá chiếm tỷ lệ 45,24% sau viên thứ 1; 41,2% sau viên thứ 2; 72,05% sau viên thứ 3; 69,56% sau viên thứ 4. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự nghiên cứu của Nguyễn Văn Độ về tác dụng giảm đau của nefopam trên các bệnh nhân sau phẫu thuật ngoại khoa có 50% đạt giảm đau khá, có 15% đạt giảm đau tốt và 30% đạt giảm đau vừa, còn lại 5% thất bại giảm đau.

Tác dụng không mong muốn

Kết quả nghiên cứu về tác dụng không mong muốn sau đặt thuốc Voltaren: Tỷ lệ sản phụ có ngứa, nổi mề đay là 3,33%, buồn nôn là 1,67% và không có trường hợp nào đau đầu, chóng mặt, tụt huyết áp hay có kích ứng tại chỗ. Kết quả tương đồng với nghiên cứu của tác giả Rashid M và cộng sự⁹.

4.3. Đánh giá sự hài lòng của các sản phụ sau lấy thai về việc sử dụng viên đặt để giảm đau

Đa số người bệnh trong nghiên cứu đều thấy hài lòng và rất hài lòng với cách chăm sóc giảm đau của nhân viên y tế. 20,83% và 74,17% thấy hài lòng và rất hài lòng với việc được giải thích kỹ khi dùng phương pháp giảm đau. Chỉ có 0,83% thấy rằng chưa được giải thích đầy đủ, điều này cho thấy công

tác tư vấn, giáo dục người bệnh là vô cùng quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hài lòng của người bệnh. Nghiên cứu của tác giả Devi W và cộng sự cho thấy mức độ hài lòng của người bệnh có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với việc giáo dục, tư vấn của nhân viên y tế¹⁰. Người bệnh 100% thấy hài lòng với việc đánh giá đau của nhân viên y tế. Trên 90% thấy hài lòng và rất hài lòng với việc được theo dõi thường xuyên và xử lý kịp thời khi có tác dụng phụ xảy ra. Như vậy, việc nhân viên y tế có mặt ngay khi người bệnh cần ảnh hưởng lớn đến tâm lý cũng như đánh giá chất lượng phục vụ.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ người bệnh đánh giá hài lòng về thái độ giao tiếp, tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ của nhân viên y tế đều trên 90%. Đây cũng là điểm mà nhân viên y tế cần chú trọng trong chăm sóc người bệnh. Thực tế, ngoài công tác chuyên môn, nhân viên y tế còn nhiều công việc hành chính, lực lượng còn mỏng nên có những ý kiến thắc mắc của người bệnh không đủ thời gian để hướng dẫn cụ thể, chi tiết, hoặc do kỹ năng giao tiếp của nhân viên y tế chưa tốt nên chưa thể truyền tải được hết những điều người bệnh cần... Theo nghiên cứu của Aiken LH tại rất nhiều nước châu Âu đã cho thấy, cải tiến môi trường làm việc của điều dưỡng và giảm số lượng người bệnh/chăm sóc sẽ làm tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh¹¹. Thái độ của nhân viên y tế là một điểm vô cùng quan trọng tác động trực tiếp tới đánh giá chất lượng dịch vụ y tế của người bệnh. Về chất lượng dịch vụ giảm đau, hầu hết người bệnh đều đánh giá hài lòng. Kết quả chung cho thấy, 90% người bệnh cảm thấy tin tưởng vào phương pháp giảm đau sau mổ bằng viên đặt. Đây là kết quả rất đáng khích lệ cho sự cố gắng về mọi phương diện phục vụ của nhân viên y tế.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy hiệu quả giảm đau của viên đặt trên sản phụ sau mổ lấy thai đạt tỷ lệ là 95%. Sự hài lòng của về phương pháp giảm đau bằng viên đặt đạt tỷ lệ cao. Trên 90% người bệnh thấy hài lòng và rất hài lòng với cách chăm sóc giảm đau, thái độ của nhân viên y tế và dịch vụ cung cấp phương pháp giảm đau bằng viên đặt tại chỗ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO (2021) *Caesarean section rates continue to rise, amid growing inequalities in access*. <https://www.who.int/news/item/16-06-2021-caesarean-section-rates-continue-to-rise-amid-growing-inequalities-in-access>.
2. Bộ Y tế (2022) *Hội nghị Tổng kết công tác Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em/Chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKBMTE/CSSKSS)*.
3. Lê Hoài Chương, Mai Trọng Dũng, Nguyễn Đức Thắng, Đoàn Thị Thu Trang (2018) *Nhận xét thực trạng mổ lấy thai tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2017*. Tạp chí Phụ sản, 16(1), tr. 92-96. doi:10.46755/vjog.2018.1.707.
4. Nguyễn Thị Như Mai, Hà Thị Huyền, Trương Việt Dũng (2023) *Ảnh hưởng của đau tới sinh hoạt và chăm sóc con của sản phụ tại Khoa Sản thường, Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2020*. Tạp chí Khoa học Thăng Long: Khoa học Ứng dụng (1), tr. 99-103.
5. Nguyễn Thị Hương Giang (2009) *Đánh giá hiệu quả và tác dụng không mong muốn của phương pháp giảm đau sau mổ bằng gậy tê ngoài màng cứng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội*. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân y khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.
6. Anh NK (2016) *Đánh giá sự hài lòng và hiệu quả giảm đau của viên đặt tại chỗ trên các sản phụ sau mổ lấy thai*. Khóa luận tốt nghiệp bác sĩ y khoa, Trường Đại học Y Hà Nội.
7. Nguyệt NTB (2011) *Nghiên cứu tác dụng giảm đau sau mổ lấy thai bằng morphine 2mg ngoài màng cứng liều duy nhất*. Trường Đại học Y Hà Nội.
8. Phan ĐV (2011) *Dược lý học*. Thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm.
9. Rashid M, Jaruidi HM (2000) *The use of rectal diclofenac for post-caesarean analgesia*. Saudi medical journal 21(2): 145-149.
10. Devi W, Shrestha S, Soti H (2014) *Patient satisfaction: A key to quality nursing care*. International Journal of Nursing Care 2:124. doi:10.5958/2320-8651.2014.01284.8.
11. Aiken LH, Sermeus W, Van den Heede K et al (2012) *Patient safety, satisfaction, and quality of hospital care: Cross sectional surveys of nurses and patients in 12 countries in Europe and the United States*. 344:1717. doi:10.1136/bmj.e1717 %J BMJ.